

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ ĐỒNG NAI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi				Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV CN TN	Ngoại ngữ	Tin học			
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																				
1	Nguyễn Thị Bích	An				10	8	1988	Sóc Trăng	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00022		VT	VT	VT		DON00123	
2	Nguyễn Thuý	An				27	5	1985	Quảng Trị	Đại học Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng	Con TB	DON00029	20	70.00	45.00	47.50		DON00172	
3	Bùi Tuấn	Anh	5	6	1983				Hưng Yên	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán		DON00050		82.50	51.25	67.50		DON00182	
4	Mai Đức	Anh	15	4	1993				Thái Bình	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON00083		VT	VT	VT		DON00237	
5	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Anh				18	8	1987	Đồng Nai	Kỹ Thuật Công Nghệ	Quản trị kinh doanh		DON00092		VT	VT	VT		DON00141	
6	Nguyễn Thị Vân	Anh				23	1	1993	Khánh Hòa	ĐH Lạc hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON00120		37.50	57.50	47.50		DON00315	
7	Nguyễn Tuấn	Anh	19	9	1992				Thái Bình	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00122		55.00	58.75	77.50		DON00198	
8	Phạm Thị Nguyễn	Anh				25	10	1991	Thanh Hoá	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng	Con TB	DON00129	20	62.50	68.75	62.50		DON00176	
9	Trần Ngọc Hoàng	Anh				20	9	1990	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON00135		40.00	63.75	70.00		DON00035	
10	Trương Hoàng	Anh				12	7	1992	Bình Dương	Đại học Luật	Luật Dân sự		DON00146		87.50	60.00	75.00		DON00108	
11	Nguyễn Hoài	Bảo	5	4	1992				Đồng Nai	Công Nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		DON00182		75.00	52.50	65.00		DON00146	
12	Đào Duy	Bình	4	11	1989				Bắc Giang	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON00217		70.00	42.50	60.00		DON00134	
13	Trần Thị Thanh	Bình				12	11	1991	Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00242		VT	VT	VT		DON00234	
14	Nguyễn Viết	Cần	20	2	1991				Quảng Trị	ĐH Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Con TB	DON00258	20	52.50	32.50	52.50		DON00293	
15	Lê Thị Ngọc	Châu				3	7	1992	Đồng Nai	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON00274		37.50	37.50	47.50		DON00241	
16	Nguyễn Bảo	Châu				7	10	1988	Phú Yên	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON00275		52.50	51.25	62.50		DON00012	
17	Nguyễn Hoàng Ngọc	Châu				20	4	1992	Đồng Nai	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON00276		VT	VT	VT		DON00279	
18	Nguyễn Thị Minh	Châu				7	8	1982	Hà Nội	ĐH Ngoại Thương	Kinh tế ngoại thương		DON00282		55.00	MT	70.00		DON00075	
19	Nguyễn Thị Ngọc	Châu				15	5	1985	Đồng Nai	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON00284		37.50	28.75	45.00		DON00337	
20	Võ Ngọc	Châu				4	6	1987	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính công		DON00290		VT	VT	MT		DON00055	
21	Nguyễn Văn	Chiến	16	10	1992				Nghệ An	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		DON00327		VT	VT	VT		DON00333	
22	Võ Đức	Chiến	16	5	1990				Bình Định	Đại học Kinh tế	Thông kê kinh doanh		DON00329		VT	VT	VT		DON00112	
23	Thái Trung	Chính	5	11	1991				Nghệ An	ĐH Văn Lang	Quản trị kinh doanh		DON00339		70.00	40.00	70.00		DON00162	
24	Dương Kim Trường	Chính				24	7	1990	Bến Tre	ĐH Cần Thơ	Luật thương mại		DON00340		57.50	50.00	65.00		DON00072	
25	Nguyễn Thị Kim	Cúc				12	3	1986	Thừa Thiên Huế	Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng	Con TB	DON00366	20	VT	VT	VT		DON00150	
26	Trần Thị Thanh	Cúc				14	11	1992	Đồng Nai	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - kiểm toán		DON00369		52.50	43.75	47.50		DON00039	
27	Lê Hùng	Cường	13	7	1991				Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán		DON00387		47.50	51.25	72.50		DON00145	
28	Nguyễn Hoàng	Cường	4	10	1992				Thanh Hoá	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00391		57.50	40.00	55.00		DON00232	
29	Nguyễn Hùng	Cường	3	9	1988				TP.Hồ Chí Minh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00392		60.00	67.50	75.00		DON00251	
30	Nguyễn Quốc	Dân	11	9	1989				Quảng Nam	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON00415		77.50	42.50	77.50		DON00098	
31	Đinh Hoàng	Đạt	1	9	1993				Ninh Bình	Đại học Đồng Nai	Kế toán		DON00448		70.00	83.75	72.50		DON00117	
32	Lê Tấn	Đạt	6	6	1983				Đồng Nai	Lạc Hồng	Kinh tế đối ngoại		DON00450		VT	MT	VT		DON00216	
33	Nguyễn Tiến	Đạt	28	10	1983				Nghệ An	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00459		VT	VT	VT		DON00285	
34	Nguyễn Thị	Dâu				27	11	1990	Thái Bình	Lạc Hồng	Kế toán		DON00469		VT	VT	VT		DON00272	
35	Đặng Thị Kiều	Diễm				26	7	1986	Quảng Trị	Đại học Kinh tế - Luật	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00475		82.50	58.75	67.50		DON00132	
36	Lê Nguyễn Hoài	Diễm				4	7	1994	Đồng Nai	ĐH Tài Chính - Marketing	Tin học Kế toán		DON00483		85.00	66.25	75.00		DON00170	
37	Nguyễn Mai Trúc	Diễm				15	4	1992	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON00489		VT	VT	VT		DON00074	
38	Vũ Huy	Đông	1	1	1984				Nam Định	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		DON00554		60.00	37.50	40.00		DON00352	

nghe

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
39	Phạm Minh	Đức	11	8	1981				Hà Tĩnh	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán	Con AHLTVT	DON00570	20	60.00	38.75	47.50		DON00264
40	Trần Thị Mỹ	Dung				3	3	1991	Hà Tĩnh	ĐH Mở TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng	Con TB	DON00611	20	77.50	75.00	82.50		DON00156
41	Trần Thị Thủy	Dung				30	4	1989	Nghệ An	ĐH Mở TPHCM	Quản trị kinh doanh	Con TB	DON00614	20	37.50	38.75	50.00		DON00036
42	Ngô Trí	Dũng	14	1	1993				Nghệ An	ĐH Đồng Nai	Quản trị Kinh doanh		DON00631		67.50	46.25	70.00		DON00316
43	Nguyễn Hồng	Dũng	8	8	1989				Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		DON00633		VT	VT	VT		DON00157
44	Nguyễn Khắc	Dũng	20	10	1993				Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính Tín Dụng		DON00635		52.50	52.50	67.50		DON00115
45	Phan Tiến	Dũng	10	5	1982				Bình Dương	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON00644		55.00	38.75	45.00		DON00026
46	Trần Tiến	Dũng	2	7	1989				Thanh Hóa	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng	Con TB	DON00647	20	52.50	38.75	55.00		DON00097
47	Nguyễn Thị Thuý	Dương				28	3	1991	Hà Nam	Kinh tế Quốc Dân	Kế toán Tổng hợp		DON00670		VT	VT	VT		DON00268
48	Nguyễn Thuý	Dương				15	3	1990	Thái Bình	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00676		47.50	55.00	52.50		DON00291
49	Bì Trí Triều	Duy	21	6	1990				Đồng Nai	ĐH Văn Lang	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00688		50.00	57.50	62.50		DON00252
50	Hoàng Thế	Duy	4	3	1989				Nghệ An	ĐH Công Nghiệp TP.HCM	Kế toán		DON00692		67.50	62.50	62.50		DON00266
51	Nguyễn Phương	Duy	27	4	1994				Đồng Nai	ĐH Đồng Nai	Quản trị kinh doanh		DON00700		VT	VT	VT		DON00083
52	Mai Thị Mỹ	Duyên				7	11	1992	Hải Hưng	ĐH Lạc hồng	Tài chính Ngân hàng		DON00720		72.50	47.50	65.00		DON00309
53	Nguyễn Thị	Duyên				10	8	1991	Quảng Bình	ĐH Quảng Bình	Kế toán		DON00721		VT	VT	VT		DON00187
54	Trương Thị Mỹ	Duyên				27	6	1994	Đồng Nai	ĐH Công nghiệp Thực phẩm TPHCM	Tài chính Doanh nghiệp		DON00736		52.50	55.00	57.50		DON00332
55	Vũ Thị	Duyên				24	6	1986	Thái Bình	ĐH Kinh tế TPHCM	Kế toán	Con NH&KC bị NCDHH	DON00739	20	VT	VT	VT		DON00325
56	Mã Thị Lam	Giang				17	1	1981	Đồng Nai	ĐH Nông Lâm	Quản trị kinh doanh		DON00770		35.00	28.75	42.50		DON00174
57	Nguyễn Thị Trúc	Giang				10	2	1992	Long An	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON00778		47.50	35.00	42.50		DON00002
58	Võ Long	Giang	17	7	1988				Long An	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON00800		37.50	42.50	70.00		DON00229
59	Đỗ Lê Song	Hà				13	10	1992	Thái Bình	ĐH Kinh Tế TPHCM	Tài chính công		DON00820		77.50	66.25	75.00		DON00009
60	Lại Đặng Việt	Hà				6	1	1993	Thái Bình	ĐH Công Nghệ TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00823		47.50	57.50	60.00		DON00226
61	Nguyễn Trần Thu	Hà				24	7	1987	Nam Định	Đại học Kinh tế	Quản trị kinh doanh		DON00850		87.50	68.75	80.00		DON00116
62	Phạm Thu	Hà				7	9	1993	Hà Tĩnh	Viện ĐH Mở Hà Nội	Kế toán		DON00858		67.50	67.50	72.50		DON00159
63	Đinh Thị Thuý	Hằng				15	9	1990	Bến Tre	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00913		VT	VT	VT		DON00135
64	Lê Thị Diệu	Hằng				10	7	1989	Quảng Trị	Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON00921		70.00	43.75	75.00		DON00262
65	Nguyễn Thị Thu	Hằng				23	11	1988	Hưng Yên	ĐH Công nghiệp TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		DON00940		75.00	46.25	70.00		DON00078
66	Nguyễn Thuý	Hằng				16	2	1990	Bình Định	ĐH Trà Vinh	Kế toán Tổng hợp		DON00948		37.50	35.00	35.00		DON00214
67	Mai Thị Mỹ	Hạnh				7	7	1990	Bình Dương	Lạc Hồng	Kế toán		DON00977		60.00	51.25	60.00		DON00224
68	Đỗ Thị Bích	Hiền				15	5	1983	Đồng Nai	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON01033		VT	VT	VT		DON00327
69	Lê Thị	Hiền				9	5	1986	Hà Nam	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01043		67.50	35.00	65.00		DON00107
70	Đặng Thị Thu	Hiếu				4	10	1994	Hà Tĩnh	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01087		60.00	47.50	67.50		DON00142
71	Hà Quang	Hiếu	31	12	1991				Quảng Bình	ĐH Kinh tế - Luật	Kinh tế và quản lý công		DON01088		45.00	71.25	60.00		DON00049
72	Nguyễn Trọng	Hiếu	9	1	1992				Bến Tre	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01104		VT	VT	VT		DON00215
73	Nguyễn Thị Thanh	Hoa				16	6	1994	Hà Nội	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON01145		67.50	66.25	75.00		DON00194
74	Nguyễn Thị Thanh	Hoa				2	2	1986	Bình Định	ĐH Công nghiệp TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		DON01143		67.50	73.75	72.50		DON00303
75	Nguyễn Thị Khánh	Hoà				19	12	1992	Quảng Trị	ĐH Công Nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON01153		VT	VT	VT		DON00238
76	Lê Hồng	Hòa	11	8	1988				Thanh Hóa	ĐH Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON01158		65.00	33.75	70.00		DON00091
77	Lê Minh	Hoàng	28	1	1992				Hải Dương	ĐH Công Nghiệp TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01189		VT	VT	VT		DON00292
78	Vũ Xuân	Hoàng	2	8	1990				Nam Định	ĐH Sài Gòn	Kế toán Tài chính nhà nước		DON01203		92.50	45.00	70.00		DON00014
79	Hà Thị Thúy	Hồng				29	1	1991	Phú Thọ	ĐH Nông nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh		DON01216		87.50	63.75	75.00		DON00042
80	Trần Thị Bích	Hồng				11	7	1990	Nam Định	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		DON01243		70.00	51.25	52.50		DON00326
81	Ngô Thị	Hưng				29	5	1991	Hà Nam	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01288		42.50	38.75	45.00		DON00130
82	Đinh Thị	Hương				10	8	1992	Ninh Bình	ĐH Luật TP.HCM	Luật Hình Sự	DTTS	DON01304	20	57.50	48.75	45.00		DON00204

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
83	Hà Thị Lan	Hương				18	4	1990	Thái Nguyên	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON01308		42.50	48.75	60.00		DON00031
84	Lê Thị Thanh	Hương				5	8	1989	Thái Bình	ĐH Kinh tế Quốc dân	Tin Kinh Tế		DON01315		VT	VT	VT		DON00280
85	Nguyễn Thanh	Hương				9	8	1993	Hà Tĩnh	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON01324		77.50	56.25	70.00		DON00038
86	Nguyễn Thị Mỹ	Hương				5	8	1993	Nam Định	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON01334		VT	VT	VT		DON00082
87	Phạm Thị	Hương				4	8	1982	Hải Dương	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON01345		80.00	47.50	82.50		DON00304
88	Nguyễn Thị	Hường				14	9	1990	Bắc Giang	ĐH Kinh Tế TP HCM	Kinh tế kế hoạch và đầu tư	Con TB	DON01367	20	60.00	57.50	70.00		DON00046
89	Phan Thị Thanh	Hường				6	1	1987	Hà Tĩnh	ĐH Cửu Long	Kế toán		DON01371		VT	VT	VT		DON00322
90	Nguyễn Quang	Huy	4	2	1991				Đồng Nai	ĐH CN Đồng Nai	Kế toán		DON01385		VT	VT	VT		DON00233
91	Trần Lê	Huy	27	9	1993				Đồng Nai	ĐH Đồng Nai	Quản trị Kinh doanh		DON01394		57.50	57.50	65.00		DON00319
92	Lê Thị	Huyền				7	8	1994	Thanh Hoá	ĐH Công Đoàn	Tài Chính - Ngân Hàng	DTTS	DON01405	20	35.00	42.50	55.00		DON00197
93	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền				29	9	1992	Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01423		VT	VT	VT		DON00244
94	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền				1	8	1992	Quảng Trị	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON01422		67.50	41.25	70.00		DON00253
95	Nguyễn Thị Như	Huyền				24	2	1994	Đồng Nai	ĐH Lạc hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01424		VT	VT	VT		DON00346
96	Nguyễn Thị Thanh	Huyền				4	12	1988	Hà Nội	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON01425		47.50	41.25	45.00		DON00306
97	Trần Thị Bích	Huyền				2	1	1993	Nghệ An	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON01440		25.00	40.00	37.50		DON00305
98	Trần Thị Mộng	Huyền				9	11	1976	Quảng Trị	ĐH Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01442		57.50	MT	62.50		DON00255
99	Đặng Anh	Khoa	13	9	1991				Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01500		82.50	58.75	77.50		DON00152
100	Nguyễn Bình Phương	Khuê				24	11	1992	Đồng Nai	Đại học công nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON01527		35.00	33.75	55.00		DON00349
101	Lê Trung	Kiên	18	4	1989				Phú Thọ	ĐH Lạc Hồng	Tài chính		DON01544		62.50	47.50	55.00		DON00041
102	Trịnh Trung	Kiên	1	1	1993				Thanh Hoá	Ngân Hàng TP HCM	Quản trị Kinh doanh		DON01549		67.50	63.75	70.00		DON00144
103	Nguyễn Thị	Lài				10	10	1992	Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Kế toán		DON01586		100.00	68.75	67.50		DON00339
104	Vũ Thành	Lâm	1	9	1991				Hà Nam	ĐH Kinh tế	Kế toán		DON01600		87.50	76.25	80.00		DON00222
105	Đặng Thị	Lan				18	6	1990	Hà Nội	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		DON01604		VT	VT	VT		DON00317
106	Nguyễn Thị Hồng	Lan				28	8	1989	Hải Dương	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01609		VT	VT	VT		DON00265
107	Đào Thị Thanh	Lân				10	2	1990	Nghệ An	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01628		VT	VT	VT		DON00200
108	Đinh Thị Kim	Lân				15	9	1989	Nghệ An	ĐH Tây Nguyên	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01629		VT	VT	VT		DON00210
109	Trần Thị Kha	Lao				23	2	1990	Sóc Trăng	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01640		VT	VT	VT		DON00203
110	Ngô Huy	Lê				10	11	1990	Quảng Nam	ĐH Lạc hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01646		35.00	38.75	57.50		DON00307
111	Nguyễn Thị Hoa	Lê				21	3	1993	Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01650		52.50	46.25	77.50		DON00175
112	Hà Nhật	Lệ				6	1	1994	Sơn La	ĐH Toulon - Pháp	Ngân hàng Bảo hiểm	DTTS	DON01653	20	62.50	MT	55.00		DON00062
113	Cao Thị	Lịch				14	8	1993	Hà Tĩnh	ĐH Tài chính Marketing	Thuế		DON01656		62.50	62.50	62.50		DON00302
114	Huỳnh Tấn	Liêm	3	12	1990				Đồng Nai	Đại học CN TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		DON01658		37.50	45.00	57.50		DON00231
115	Nguyễn Hoàng	Liêm	9	3	1994				Bến Tre	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON01660		72.50	40.00	55.00		DON00029
116	Đỗ Thị	Liên				1	1	1993	Thanh Hoá	ĐH Luật TP.HCM	Luật Thương Mại	Con TB	DON01663	20	VT	VT	VT		DON00230
117	Nguyễn Thị Kim	Liên				15	1	1993	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON01674		VT	VT	VT		DON00016
118	Lê Ngọc Phương	Linh				26	3	1992	Phú Thọ	ĐH Nông Lâm	Kế toán		DON01720		VT	VT	VT		DON00287
119	Lương Thị Thuý	Linh				21	10	1991	Đồng Nai	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế và quản lý công		DON01727		70.00	67.50	70.00		DON00124
120	Mai Thanh Thùy	Linh				8	3	1992	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON01729		VT	VT	VT		DON00076
121	Nguy Duy	Linh	18	11	1989				Đồng Nai	GTVT TP.HCM	Kinh tế vận tải biển		DON01734		60.00	46.25	67.50		DON00151
122	Nguyễn Thị Mỹ	Linh				17	11	1992	Vũng Tàu	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON01752		65.00	65.00	60.00		DON00080
123	Nguyễn Thị Thùy	Linh				2	11	1991	Hà Tĩnh	ĐH Ngoại Thương	Thương mại quốc tế		DON01758		87.50	60.00	70.00		DON00045
124	Nguyễn Viết	Linh	5	7	1988				Hà Nội	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01768		75.00	47.50	67.50		DON00109
125	Trần Thị Khánh	Linh				25	4	1994	Hải Dương	ĐH Kinh Tế TP HCM	Quản trị chất lượng		DON01796		82.50	63.75	65.00		DON00067
126	Võ Thị Mỹ	Linh				30	10	1990	Nghệ An	ĐH Công nghiệp TP HCM	Tài chính ngân hàng		DON01816		57.50	50.00	50.00		DON00013
127	Vũ Hoàng Trúc	Linh				1	1	1993	Ninh Bình	ĐH Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON01819		85.00	75.00	72.50		DON00245
128	Nguyễn Thị Thanh	Loan				25	7	1993	Hà Tĩnh	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON01845		42.50	56.25	60.00		DON00227

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
129	Nông Phước	Lộc	11	1	1993				Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON01868		VT	VT	VT		DON00011
130	Vũ Hoàng	Lộc	24	4	1992				Hà Nội	ĐH Quốc Tế	Kinh doanh quốc tế		DON01871		VT	VT	VT		DON00273
131	Lê Văn	Lợi	18	12	1990				Thanh Hóa	ĐH Kinh Tế TPHCM	Tài chính nhà nước	Con TB	DON01872	20	VT	VT	VT		DON00034
132	Cao Hoàng	Long	13	9	1993				Quảng Trị	ĐH Lạc hồng	Tài chính Ngân hàng		DON01880		72.50	45.00	65.00		DON00310
133	Đinh Thị Kim	Long				15	9	1991	Nghệ An	ĐH Kinh tế Quốc dân	Quản trị kinh doanh		DON01882		VT	VT	VT		DON00209
134	Nguyễn Ngọc	Long	10	3	1988				Hưng Yên	ĐH Kinh tế Luật	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý		DON01896		45.00	46.25	62.50		DON00188
135	Nguyễn Trọng	Long	21	6	1991				Nghệ An	Lạc Hồng	Kế toán		DON01900		92.50	62.50	70.00		DON00171
136	Trần Bảo	Long	23	4	1980				Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON01906		62.50	51.25	77.50		DON00190
137	Trần Vũ Kim	Long	3	6	1988				Bắc Ninh	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON01908		50.00	40.00	65.00		DON00323
138	Hồ Thị	Luyến				29	5	1991	Nghệ An	ĐH Vinh	Kế toán		DON01922		VT	VT	VT		DON00344
139	Trần Thị Ái	Luyến				12	7	1988	Quảng Trị	ĐH Kinh tế - Huế	Kinh tế nông nghiệp		DON01925		80.00	57.50	75.00		DON00059
140	Phan Thị Khánh	Ly				28	9	1987	Thái Bình	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kinh doanh quốc tế	Con TB	DON01936	20	77.50	78.75	82.50		DON00126
141	Cù Thị	Lý				10	3	1992	Hà Tĩnh	ĐH Vinh	Kế toán		DON01940		55.00	27.50	70.00		DON00054
142	Hồ Tùng	Mạnh	20	10	1986				Nam Định	Lạc Hồng	Kế toán		DON01983		47.50	40.00	55.00		DON00281
143	Nguyễn Thị Hoa	Miền				26	9	1986	Quảng Trị	Đại học DL Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON01993		70.00	63.75	67.50		DON00063
144	Lê Hoàng	Minh	1	10	1988				Đồng Nai	ĐH Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		DON02005		37.50	31.25	60.00		DON00096
145	Nguyễn Thị	Mùi				17	10	1991	Hà Tĩnh	ĐH Tây Nguyên	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02044		80.00	38.75	67.50		DON00173
146	Trần Thị	Mùi				27	4	1990	Nghệ An	ĐH Công Nghệ	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	DON02045	20	VT	VT	VT		DON00257
147	Nguyễn Thị Trà	My				26	9	1983	Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán		DON02064		37.50	38.75	57.50		DON00296
148	Nguyễn Thị	Mỹ				8	3	1984	Quảng Ngãi	Lạc Hồng	Kế toán		DON02075		VT	VT	VT		DON00259
149	Trương Hoàng	Nam	25	3	1991				Bình Dương	ĐH Tài Chính - Marketing	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý		DON02105		VT	VT	VT		DON00269
150	Vũ Gia	Nam	24	4	1989				Nghệ An	ĐH Công Đoàn	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02107		67.50	61.25	70.00		DON00218
151	Bùi Thị Tuyết	Nga				2	2	1989	Nghệ An	ĐH Kinh Tế TPHCM	Tài chính nhà nước		DON02113		65.00	50.00	75.00		DON00040
152	Lê Thị	Nga						1992	Thanh Hoá	Đại học công nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON02122		50.00	47.50	62.50		DON00350
153	Lê Thị Hằng	Nga				10	6	1989	Nghệ An	ĐH Lương Thế Vinh	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02123		VT	VT	VT		DON00236
154	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga				10	5	1990	Quảng Trị	ĐH Sài Gòn	Kế toán		DON02137		80.00	37.50	75.00		DON00092
155	Nguyễn Thị Thanh	Nga				10	2	1987	Hà Tĩnh	ĐH Ngân hàng TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		DON02138		VT	VT	VT		DON00345
156	Nguyễn Trương Lệ	Nga				18	2	1992	Đà Nẵng	Lạc Hồng	Kế toán		DON02143		37.50	35.00	45.00		DON00167
157	Đặng Thanh	Ngân				26	8	1994	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON02159		82.50	46.25	75.00		DON00028
158	Đỗ Thị Thủy	Ngân				22	7	1992	Bình Định	ĐH Nông lâm TPHCM	Kế toán		DON02163		70.00	52.50	72.50		DON00087
159	Lê Thị Kim	Ngân				8	7	1993	Đồng Nai	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02179		VT	VT	VT		DON00213
160	Trần Minh	Ngân				22	5	1994	Đồng Nai	ĐH Đồng Nai	Quản trị kinh doanh		DON02221		85.00	66.25	87.50		DON00004
161	Trịnh Thị Thu	Ngân				23	2	1993	Đà Nẵng	ĐH Đồng Nai	Quản trị kinh doanh		DON02225		22.50	61.25	62.50		DON00240
162	Trương Vũ Hoài	Ngân				3	6	1989	Long An	Đại học công nghệ Tp.HCM	Kế toán		DON02227		75.00	27.50	55.00		DON00354
163	Lê Thị Mỹ	Ngọc				6	7	1992	Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON02292		57.50	65.00	67.50		DON00166
164	Nguyễn Bảo	Ngọc				22	2	1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02298		VT	VT	VT		DON00235
165	Nguyễn Bích	Ngọc				12	9	1991	Đồng Nai	ĐH Công nghệ TPHCM	Kế toán - kiểm toán		DON02299		62.50	60.00	65.00		DON00030
166	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc				22	10	1990	Quảng Bình	Lạc Hồng	Kế toán		DON02302		70.00	72.50	70.00		DON00225
167	Trần Thị Phương	Ngọc				12	2	1991	Hà Nam	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON02347		45.00	42.50	57.50		DON00077
168	Lê Đình	Nguyễn	12	11	1993				Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02365		62.50	65.00	75.00		DON00284
169	Phạm Thị Thảo	Nguyễn				12	4	1992	Nam Định	ĐH Lâm nghiệp CS2	Kế toán		DON02389		VT	VT	VT		DON00052
170	Bùi Thị Ánh	Nguyệt				13	4	1985	Hà Tĩnh	ĐH Công Nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON02401		60.00	53.75	67.50		DON00270

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
171	Trần Thị Bích	Nguyệt				23	9	1986	Nghệ An	ĐH Kinh Tế TP HCM	Kế toán		DON02416		VT	VT	VT		DON00051
172	Nguyễn Thành	Nhân	2	4	1992				Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02436		77.50	71.25	82.50		DON00183
173	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi				30	10	1991	Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02474		57.50	55.00	57.50		DON00149
174	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi				1	10	1992	Thái Bình	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh	Con NHCS như TB	DON02478	20	VT	VT	VT		DON00118
175	Trần Thị Bảo	Nhi				15	9	1991	Quảng Trị	ĐH Lạc hồng	Quản trị Kinh doanh		DON02491		45.00	45.00	VT		DON00308
176	Lê Thị Quỳnh	Như				24	7	1992	Quảng Trị	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - kiểm toán		DON02532		60.00	46.25	47.50		DON00058
177	Nguyễn Thị Kim	Như				16	3	1990	Quảng Trị	Kinh tế TP.HCM	Kế toán		DON02540		62.50	47.50	70.00		DON00138
178	Cao Cẩm	Nhung				31	8	1990	Nghệ An	ĐH Luật Hà Nội	Luật dân sự và Tổ tụng dân sự		DON02553		VT	VT	VT		DON00340
179	Hồ Thị Tuyết	Nhung				6	8	1984	Đồng Nai	ĐH Mở TP HCM	Kinh tế - Luật		DON02561		VT	VT	VT		DON00043
180	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				9	9	1990	Nghệ An	Lạc Hồng	Kế toán		DON02580		VT	VT	VT		DON00294
181	Vũ Thị	Nhung				2	9	1989	Thanh Hóa	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON02610		55.00	26.25	60.00		DON00313
182	Phan Quốc	Nhứt	17	11	1989				Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON02617		VT	VT	VT		DON00202
183	Đặng Thị Kiều	Oanh				24	9	1990	Đồng Nai	Đại học Ngân Hàng TP.HCM	Ngân Hàng		DON02633		72.50	61.25	75.00		DON00110
184	Lương Nguyễn Hoàng	Oanh				4	7	1994	Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán		DON02638		VT	VT	VT		DON00290
185	Mai Thị Kiều	Oanh				2	12	1986	Đồng Nai	ĐH Lạc hồng	Kế toán		DON02639		70.00	46.25	70.00		DON00343
186	Nguyễn Thị	Oanh				19	5	1991	Nam Định	ĐH Văn Hiến	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02644		77.50	70.00	80.00		DON00283
187	Nguyễn Thị	Oanh				15	2	1987	Nghệ An	ĐH Kinh tế - Huế	Kế toán doanh nghiệp		DON02642		VT	VT	VT		DON00085
188	Trần Thị Kim	Oanh				7	11	1991	Hà Tĩnh	Học viện Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp		DON02658		72.50	56.25	67.50		DON00331
189	Võ Tú	Oanh				13	9	1991	Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán		DON02663		VT	VT	VT		DON00282
190	Hồ Nhật	Phong	8	10	1977				Nghệ An	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02691		VT	VT	VT		DON00250
191	Lê Minh	Phúc	12	9	1990				Thanh Hoá	Lạc Hồng	Kế toán		DON02723		42.50	42.50	47.50		DON00212
192	Trần Hữu	Phúc	22	9	1982				Đồng Nai	ĐH Bán công Marketing	Kế toán		DON02742		52.50	30.00	57.50		DON00073
193	Dương Thu	Phương				9	3	1990	Nam Định	Đại học Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON02771		50.00	45.00	57.50		DON00105
194	Nguyễn Thị	Phương				2	2	1983	Quảng Nam	ĐH Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		DON02802		42.50	26.25	55.00		DON00246
195	Nguyễn Thị Hà	Phương				12	8	1990	Hà Bắc	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính Nhà Nước		DON02806		67.50	60.00	67.50		DON00160
196	Nguyễn Thị Mai	Phương				23	3	1986	Thái Bình	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON02810		VT	VT	VT		DON00032
197	Trần Lan	Phương				13	7	1992	Đồng Nai	Đại học công nghệ Đồng Nai	Kế toán		DON02831		VT	VT	VT		DON00351
198	Trần Thị	Phương				16	9	1986	Hà Bắc	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON02836		60.00	46.25	55.00		DON00137
199	Nguyễn Xuân Khánh	Phượng				18	4	1983	Thái Bình	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		DON02881		62.50	31.25	60.00		DON00353
200	Trần Ngọc	Phượng				30	9	1993	Nam Định	ĐH Ngân Hàng TP HCM	Kế toán - kiểm toán		DON02888		62.50	60.00	57.50		DON00005
201	Trần Thị	Phượng				12	8	1988	Nghệ An	ĐH Lâm Nghiệp	Kế toán	Con TB	DON02889	20	VT	VT	VT		DON00277
202	Nguyễn Hồng	Quân	10	12	1980				Trà Vinh	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Tài chính Ngân hàng		DON02907		62.50	67.50	MT		DON00301
203	Trát Phùng	Quân	10	1	1988				Long An	ĐH Lao Động - Xã Hội	Kế toán		DON02912		87.50	52.50	62.50		DON00185
204	Nguyễn Minh	Quang	10	3	1990				Thanh Hóa	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Quản trị Kinh doanh		DON02922		50.00	36.25	57.50		DON00342
205	Ngô Bình	Quyên	4	2	1992				Đồng Nai	ĐH Kinh tế - Luật	Tài chính ngân hàng		DON02981		65.00	67.50	77.50		DON00033
206	Trần Ngọc	Quỳnh				12	8	1993	Đồng Nai	ĐH Mở TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03002		67.50	78.75	60.00		DON00254
207	Huỳnh Ngọc	Sáng	29	4	1994				Đồng Nai	ĐH Công Nghệ TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03025		55.00	51.25	62.50		DON00164
208	Mai Cao	Son	28	11	1988				Nam Định	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03051		VT	VT	VT		DON00119
209	Đỗ Minh	Tâm				2	3	1989	TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03102		VT	VT	VT		DON00140
210	Dương Minh	Tâm	25	7	1987				Bình Dương	ĐH Kinh Tế TP HCM	Tài chính doanh nghiệp	Con TB	DON03103	20	57.50	71.25	82.50		DON00086
211	Huỳnh Thanh	Tâm	14	8	1992				Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03108		65.00	38.75	70.00		DON00103
212	Nguyễn Minh	Tâm	8	7	1989				Bình Dương	Công Nghệ Đồng Nai	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03121		VT	VT	VT		DON00143
213	Nguyễn Thanh	Tâm	6	12	1990				Thanh Hóa	ĐH Ngân Hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		DON03122		VT	VT	VT		DON00008

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
214	Nguyễn Thị Minh	Tâm				25	10	1984	Đồng Nai	ĐH Nông Lâm	Kế toán		DON03125		VT	VT	VT		DON00221
215	Vũ Thanh	Tâm				29	7	1992	Bắc Ninh	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03144		62.50	72.50	65.00		DON00155
216	Dương Sĩ	Tân	29	12	1989				Quảng Bình	ĐH Kinh Tế TP HCM	Kiểm toán		DON03149		77.50	65.00	85.00		DON00053
217	Nguyễn Trọng	Tấn	11	12	1995				Hà Tĩnh	ĐH Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03160		55.00	65.00	65.00		DON00184
218	Hà Hoàng	Thạch	14	7	1993				Đà Nẵng	ĐH SPKT Hồ Chí Minh	Kế toán		DON03166		82.50	62.50	80.00		DON00295
219	Ngô Ngọc Kim	Thạch	22	4	1991				Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03168		55.00	47.50	62.50		DON00177
220	Trần Thanh	Thái	20	10	1987				Nghệ An	ĐH Nông Lâm	Kế toán		DON03184		VT	VT	VT		DON00208
221	Lê Thị	Thắm				6	5	1989	Nghệ An	ĐH Nha Trang	Kế toán doanh nghiệp		DON03190		95.00	62.50	82.50		DON00007
222	Dương Đình	Thanh	19	2	1991				Đồng Nai	ĐH Kinh tế - Luật	Tài chính ngân hàng		DON03224		75.00	55.00	67.50		DON00084
223	Nguyễn Thị	Thanh				7	4	1989	Hà Tĩnh	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON03247		VT	VT	VT		DON00050
224	Mai Phủ	Thành	31	8	1978				Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON03281		62.50	35.00	60.00		DON00095
225	Nguyễn Tiến	Thành	25	10	1988				Nam Định	Lạc Hồng	Kế toán	HTNVLLCAND	DON03285	10	VT	VT	VT		DON00193
226	Nguyễn Trung	Thành	15	1	1981				Quảng Trị	ĐH Mở TP.HCM	Quản trị kinh doanh		DON03286		57.50	48.75	50.00		DON00147
227	Cao Thị Phương	Thảo				2	1	1993	Hà Nội	ĐH Công Nghiệp TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03302		VT	VT	VT		DON00271
228	Đỗ Phương	Thảo				30	10	1993	Hà Nội	Học viện Công nghệ BCVT TP HCM	Kế toán		DON03308		80.00	58.75	75.00		DON00023
229	Hoàng Thị Thu	Thảo				16	3	1991	Đồng Nai	ĐH Kinh tế - Luật TP HCM	Kế toán - Kiểm toán	DTTS	DON03320	20	50.00	81.25	72.50		DON00311
230	Lê Thanh	Thảo				24	12	1989	Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON03327		VT	VT	VT		DON00288
231	Ngô Thị	Thảo				14	11	1986	Thừa Thiên Huế	Lạc Hồng	Kế toán		DON03342		VT	VT	VT		DON00201
232	Phạm Thị Phương	Thảo				12	3	1994	Đồng Na	Đại học Đồng Nai	Kế toán		DON03382		75.00	58.75	80.00		DON00121
233	Trần Như	Thảo	24	7	1984				Bình Dương	ĐH Kinh tế - Luật TP HCM	Luật kinh tế		DON03393		65.00	65.00	70.00		DON00071
234	Trần Phan Thanh	Thảo				6	11	1994	Bình Dương	Đại học Đồng Nai	Quản trị kinh doanh		DON03395		VT	VT	VT		DON00101
235	Trần Thị Phương	Thảo				13	6	1992	Hải Dương	Lạc Hồng	Kế toán		DON03402		62.50	62.50	80.00		DON00125
236	Trần Thị	Thiện				26	5	1987	Thừa Thiên Huế	ĐH Công nghiệp TP HCM	Kế toán - Kiểm toán		DON03438		45.00	38.75	72.50		DON00336
237	Trần Thị	Thoa				2	2	1983	Nam Định	ĐH Luật TP HCM	Luật học	Con NHĐKC bị NCĐHH	DON03478	20	VT	VT	VT		DON00068
238	Hoàng Thị Mộng	Thu				27	7	1989	Hải Dương	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán	Con TB	DON03508	20	40.00	47.50	62.50		DON00061
239	Vũ Hoài	Thu				28	2	1984	Nghệ An	ĐH Công Nghệ SWINBURNE	Kế toán		DON03528		95.00	MT	75.00		DON00217
240	Lê Minh	Thư				3	11	1989	Vĩnh Long	ĐH Kinh tế TP HCM	Kinh doanh Bảo hiểm		DON03543		67.50	46.25	72.50		DON00312
241	Nguyễn Ngọc Anh	Thư				10	8	1994	Đồng Nai	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON03557		65.00	38.75	67.50		DON00195
242	Trịnh Thị	Thương				7	3	1983	Thanh Hóa	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON03622		VT	VT	VT		DON00021
243	Trần Thị	Thủy				5	3	1983	Thanh Hoá	ĐH Kỹ Thuật Công Nghệ TP.HCM	Kế toán		DON03635		VT	VT	VT		DON00298
244	Dương Thị Thu	Thủy				16	2	1990	Bắc Giang	Đại học công nghiệp	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03637		VT	VT	VT		DON00153
245	Nguyễn Thị Thu	Thủy				4	4	1994	Hưng Yên	Đại học Đồng Nai	Quản trị kinh doanh		DON03642		42.50	56.25	47.50		DON00111
246	Cao Thị Thanh	Thúy				20	12	1983	Thừa Thiên Huế	Đại học Quốc Gia TP HCM	Kinh tế đối ngoại		DON03644		62.50	22.50	50.00		DON00001
247	Hồ Lâm	Thúy				3	11	1992	Đồng Nai	Đại học DL Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON03649		67.50	52.50	67.50		DON00056
248	Hoàng Thanh	Thủy				20	3	1990	Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế - Luật TP HCM	Tài chính Ngân hàng		DON03695		65.00	45.00	65.00		DON00330
249	Ngô Thị Thu	Thủy				30	10	1983	Thanh Hóa	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON03701		55.00	55.00	80.00		DON00079
250	Nguyễn Thị	Thủy				15	3	1993	Bắc Giang	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế		DON03704		72.50	60.00	77.50		DON00106
251	Phạm Thị Hồng	Thủy				10	12	1991	Thanh Hóa	ĐH Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		DON03714		72.50	65.00	75.00		DON00017
252	Vũ Tú	Toàn	30	1	1981				Nam Định	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON03822		50.00	43.75	MT		DON00018
253	Đình Quang Quốc	Toàn	22	10	1990				Đồng Nai	Đại học công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		DON03823		VT	VT	VT		DON00122
254	Nguyễn Thị Hương	Trà				5	11	1993	Phú Thọ	Đại học Đồng Nai	Kế toán		DON03830		VT	VT	VT		DON00267
255	Đặng Minh Hạnh	Trâm				15	5	1993	Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03834		67.50	57.50	65.00		DON00297

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
256	Lê Thị Mai	Trâm				6	1	1983	Đồng Nai	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03845		60.00	46.25	67.50		DON00263
257	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm				6	3	1993	Nghệ An	Học viện Tài Chính	Thuế		DON03858		VT	VT	VT		DON00347
258	Đoàn Ngọc Minh	Trang				31	5	1994	Bình Dương	ĐH Đồng Nai	Kế toán		DON03916		VT	VT	VT		DON00205
259	Đoàn Thị Minh	Trang				11	2	1984	TP.Hồ Chí Minh	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON03918		65.00	56.25	60.00		DON00191
260	Hà Thị Huyền	Trang				19	11	1991	Nghệ An	ĐH Điện Lực	Kế toán doanh nghiệp		DON03920		70.00	41.25	85.00		DON00239
261	Hồ Thị	Trang				29	3	1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03922		45.00	56.25	52.50		DON00260
262	Lê Thị Thuý	Trang				4	9	1992	Thanh Hoá	ĐH Kinh tế Luật	Kế toán - Kiểm toán		DON03948		92.50	68.75	72.50		DON00178
263	Nguyễn Thị Huyền	Trang				13	10	1992	Bình Định	ĐH Ngân Hàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		DON03977		VT	VT	VT		DON00219
264	Nguyễn Thị Huyền	Trang				20	6	1992	Nghệ An	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON03978		VT	VT	VT		DON00286
265	Nguyễn Thị Huyền	Trang				14	10	1988	Đồng Nai	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON03973		55.00	56.25	47.50		DON00275
266	Nguyễn Thị Thuý	Trang				22	1	1994	Hà Tĩnh	ĐH Công Nghệ TP.HCM	Tài Chính Thuế		DON03998		65.00	35.00	70.00		DON00276
267	Phạm Thị Quỳnh	Trang				2	12	1989	Nam Định	Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		DON04008		VT	VT	VT		DON00300
268	Trần Huỳnh Phương	Trang				8	1	1988	Đồng Nai	ĐH Công nghiệp TPHCM	Quản trị kinh doanh		DON04021		80.00	MT	65.00		DON00027
269	Đoàn Lâm Minh	Trí	28	3	1993				Bến Tre	ĐH Công nghệ TPHCM	Quản trị doanh nghiệp		DON04049		47.50	47.50	65.00		DON00003
270	Lê Hữu	Triển	10	3	1992				Bình Dương	ĐH Ngoại thương	Tài chính Quốc tế		DON04058		60.00	76.25	70.00		DON00335
271	Trần Thị Tuyết	Trình				30	12	1991	Vĩnh Phú	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON04115		62.50	38.75	77.50		DON00348
272	Trương Ngọc Kiều	Trình				16	11	1993	Cà Mau	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04118		42.50	42.50	50.00		DON00256
273	Phùng Đỗ Thanh	Trúc				29	11	1987	Hà Nội	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán		DON04152		VT	VT	VT		DON00211
274	Nguyễn Thành	Trung	9	5	1977				Bình Định	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON04169		50.00	35.00	70.00		DON00243
275	Tô Thành	Trung	17	9	1988				Đồng Nai	Kinh tế TP.HCM	Tài Chính Nhà Nước		DON04175		60.00	56.25	60.00		DON00139
276	Nguyễn Đăng	Trường	19	8	1983				Bắc Ninh	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON04188		65.00	51.25	70.00		DON00060
277	Huỳnh Anh	Tú	16	10	1992				Đồng Nai	ĐH Tài chính - marketing	Quản trị kinh doanh		DON04209		VT	VT	VT		DON00025
278	Lê Văn	Tú	28	11	1983				Nghệ An	ĐH Kinh Tế TPHCM	Kế toán		DON04216		80.00	27.50	62.50		DON00057
279	Nguyễn Thanh	Tú	15	5	1989				Bến Tre	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04225		45.00	42.50	60.00		DON00168
280	Nguyễn Thị Cẩm	Tú				28	7	1991	Đồng Nai	ĐH Lạc hồng	Tài chính Ngân hàng		DON04230		VT	VT	VT		DON00334
281	Nguyễn Thị Khả	Tú				8	12	1989	Nha Trang	Đại học Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		DON04232		77.50	60.00	80.00		DON00113
282	Vũ Mạnh	Tuân	26	11	1993				Nam Hà	Đại học Lạc Hồng	Luật kinh tế		DON04252		87.50	45.00	60.00		DON00006
283	Hoàng Anh	Tuấn	13	7	1993				Nghệ An	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04259		VT	VT	VT		DON00299
284	Nguyễn Thanh	Tuấn	6	2	1984				Bình Dương	ĐH Lâm nghiệp	Kế toán		DON04270		35.00	30.00	35.00		DON00066
285	Nguyễn Văn	Tuấn	10	8	1983				Hà Tĩnh	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON04272		47.50	36.25	67.50		DON00099
286	Phạm Thanh	Tuấn	11	9	1993				Nam Định	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04277		55.00	52.50	57.50		DON00181
287	Trần Mạnh	Tuấn	5	11	1991				Nam Định	ĐH Tây Bắc	Kế toán		DON04280		35.00	36.25	57.50		DON00158
288	Huỳnh Ngọc	Tùng	15	7	1991				Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Kế toán		DON04288		VT	VT	VT		DON00037
289	Lê Thị	Tuyền				1	4	1989	Thanh Hoá	Thăng Long	Ngân Hàng	Con TB	DON04331	20	VT	VT	VT		DON00136
290	Dương Thị Ánh	Tuyết				11	10	1992	Quảng Ngãi	ĐH Sunderland	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04365		35.00	MT	62.50		DON00248
291	Mạch Thị	Tuyết				22	12	1990	Bình Dương	ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		DON04367		67.50	42.50	60.00		DON00070
292	Nguyễn Thị Thuý	Ưng				26	9	1989	Thanh Hoá	ĐH Sài Gòn	Kế toán		DON04381		70.00	42.50	42.50		DON00192
293	Hà Tú	Uyên				3	11	1988	Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		DON04388		VT	VT	VT		DON00114
294	Nguyễn Thị Thùy	Vân				24	3	1991	Nghệ An	ĐH Mở TPHCM	Tài chính ngân hàng		DON04449		65.00	65.00	70.00		DON00015
295	Phạm Thị Thanh	Vân				9	11	1978	Biên Hoà	ĐH Nông Lâm	Kế toán		DON04458		VT	VT	VT		DON00169
296	Võ Thị Bảo	Vĩ				11	11	1987	Đồng Nai	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán		DON04511		35.00	33.75	42.50		DON00064
297	Nguyễn Thị	Vĩ				15	5	1990	Nghệ An	Lạc Hồng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04513		55.00	43.75	65.00		DON00102
298	Trương Quốc	Việt	10	3	1980				Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế Luật	Kinh tế và quản lý công		DON04525		67.50	56.25	62.50		DON00165
299	Lê Võ Thuý	Vinh				30	10	1993	Quảng Trị	ĐH Sài Gòn	Kế toán		DON04533		VT	VT	VT		DON00274
300	Đỗ Thị	Vui				1	6	1985	Thanh Hóa	ĐH Lạc Hồng	Kế toán - kiểm toán	Con TB	DON04561	20	VT	VT	VT		DON00069
301	Vũ Thị	Vui				5	6	1982	Thái Bình	ĐH Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON04562		VT	VT	VT		DON00022

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
302	Từ Quốc	Vương	28	1	1993				Quảng Bình	ĐH Hùng Vương	Tài Chính		DON04565		47.50	53.75	70.00		DON00148
303	Nguyễn Xuân Yên	Vy				6	5	1988	Đồng Nai	Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		DON04573		40.00	38.75	30.00		DON00228
304	Huỳnh Thị	Xinh				29	3	1983	Bình Dương	Lạc Hồng	Kế toán		DON04583		65.00	51.25	62.50		DON00258
305	Nguyễn Võ Kim	Xuân				8	10	1993	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04593		VT	VT	VT		DON00104
306	Lê Thị Hoàng	Yến				21	9	1984	Đồng Nai	ĐH Lâm nghiệp	Kế toán		DON04638		40.00	31.25	57.50		DON00314
307	Nguyễn Thị	Yến				27	10	1987	Hải Dương	ĐH Lâm nghiệp	Kế toán		DON04643		52.50	45.00	47.50		DON00324
308	Trịnh Như	Yến				27	12	1989	Nghệ An	Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		DON04659		42.50	26.25	65.00		DON00242
309	Võ Thụy Hoàng	Yến				21	7	1990	Đồng Nai	ĐH Công Nghệ Đồng Nai	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04664		VT	VT	VT		DON00223
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
1	Trần Hoàng	Hiệp	31	8	1988				Đồng Nai	ĐH Trà Vinh	Công Nghệ Thông Tin		DON05425		76.00	36.00			DON00179
2	Nguyễn Trung	Hiếu	16	5	1986				Đồng Nai	Lạc Hồng	HTTT		DON05426		80.00	46.00			DON00180
3	Nguyễn Minh	Hoàng	1	10	1992				Bình Định	CĐ nghề Kỹ Thuật Công nghiệp LADEC	Quản trị mạng máy tính		DON05429		48.00	38.00			DON00047
4	Huỳnh Hoàng	Quân	6	7	1993				Đồng Nai	CĐ Công Nghệ & Quản Trị SONADEZI	Công Nghệ Thông Tin		DON05447		44.00	36.00			DON00199
5	Trương Nữ Huyền	Trang				10	7	1986	Quảng Bình	ĐH Lạc Hồng	Công nghệ thông tin		DON05457		VT	VT			DON00090
6	Trần Thanh	Tú	20	4	1982				Đồng Nai	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Công nghệ thông tin		DON05459		88.00	62.00			DON00088
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Phạm Thị Ngọc	Diệu				3	7	1991	Quảng Nam	Cao đẳng nghề Đồng Nai	Kế toán doanh nghiệp		DON04952		VT	VT	VT		DON00120
2	Nguyễn Quốc	Dũng	14	4	1994				Đồng Nai	ĐH Công Nghiệp TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON04961		80.00	76.00	72.00		DON00161
3	Đặng Thị	Hà				29	10	1992	Hà Nội	CĐ Bách Việt	Kế toán		DON04980		44.00	26.00	84.00		DON00163
4	Ngô Phương Kim	Hằng				16	1	1992	Nam Định	Trung cấp Kinh tế Đồng Nai	Kế toán doanh nghiệp		DON04999		68.00	40.00	64.00		DON00019
5	Nguyễn Thị Tú	Hằng				1	3	1991	Hà Nội	ĐH Công nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		DON05001		VT	VT	VT		DON00320
6	Võ Thị Kim	Hòa				13	8	1982	Đồng Nai	Trung học Thống kê TW2	Tổng hợp		DON05020		VT	VT	MT		DON00094
7	Cao Hồng	Huế				10	12	1993	Hải Dương	ĐH Công Nghiệp TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON05026		VT	VT	VT		DON00278
8	Nguyễn Thị Thanh	Kiều				27	12	1988	Hồ Chí Minh	ĐH Tôn Đức Thắng	Kế toán		DON05067		VT	VT	VT		DON00341
9	Trần Thị	Lý				16	10	1994	Nghệ An	CĐ Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		DON05102		32.00	38.00	52.00		DON00081
10	Phạm Thị	Nga				6	12	1994	Hưng Yên	ĐH Lạc Hồng	Kế toán doanh nghiệp		DON05123		VT	VT	VT		DON00093
11	Lê Thị Kim	Ngân				4	1	1979	Thanh Hoá	Lạc Hồng	Kế toán		DON05127		VT	VT	VT		DON00128
12	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				16	5	1991	Hải Dương	ĐH Công nghiệp TP.HCM	Tài chính Ngân hàng		DON05141		48.00	54.00	32.00		DON00318
13	Võ Hoàng	Nguyễn	14	6	1994				Đồng Nai	CĐ Tài chính - Hải quan	Tài chính nhà nước		DON05147		VT	VT	VT		DON00020
14	Ngô Thị	Nhân				19	4	1994	Thái Bình	CĐ Xây Dựng số 2	Kế toán		DON05150		VT	VT	VT		DON00247
15	Nguyễn Thị	Nhung				16	5	1990	Đồng Nai	CĐ Công Nghệ & Quản Trị SONADEZI	Tài Chính - Ngân Hàng		DON05175		VT	VT	VT		DON00186
16	Nguyễn Thị Hồng	Oanh				26	6	1981	Thái Bình	Trung học Thống Kê TW2	Tổng hợp (Thống Kê - Kế Toán)		DON05183		VT	VT	MT		DON00206
17	Trần Tài	Phúc	22	5	1992				Cần Thơ	ĐH Ngân Hàng	Tài Chính - Ngân Hàng		DON05191		76.00	60.00	64.00		DON00220
18	Ngô Thị Kim	Phụng				25	11	1986	Long An	ĐH Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - kiểm toán		DON05193		40.00	36.00	68.00		DON00065
19	Trương Duy	Quang	22	11	1994				Quảng Bình	Đại học CN TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		DON05202		84.00	70.00	88.00		DON00154
20	Vũ Thị	Quyên				6	12	1989	Nam Định	Lạc Hồng	Kế toán		DON05209		VT	VT	VT		DON00207
21	Vũ Hoàng	Quỳnh				17	2	1985	Hải Dương	ĐH Kinh tế TP.HCM	Tài Chính - Ngân Hàng		DON05211		60.00	72.00	76.00		DON00289
22	Nguyễn Thị Kim	Son				11	8	1990	Nam Định	ĐH Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		DON05218		40.00	30.00	68.00		DON00024
23	Lê Thông	Thái	1	11	1979				Nghệ An	ĐH Lâm nghiệp	Kế toán		DON05240		36.00	50.00	84.00		DON00328
24	Lê Thị Kim	Thanh				12	10	1987	Quảng Trị	ĐH Trà Vinh	Luật		DON05247		44.00	36.00	56.00		DON00089
25	Phan Thị Thu	Thủy				6	3	1991	Ninh Bình	CĐ Kinh tế đối ngoại	Kế toán doanh nghiệp		DON05292		VT	VT	VT		DON00261

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
26	Phạm Đan Thanh Thủy	Tiên				10	4	1985	Nam Định	Tc Kinh tế Đồng Nai	Kế toán Doanh nghiệp		DON05310		VT	VT	VT		DON00321
27	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Trâm				6	7	1992	Ninh Bình	ĐH Công nghiệp TPHCM	Tài chính ngân hàng		DON05322		48.00	46.00	76.00		DON00010
28	Dương Thị Hoài	Trần				6	2	1980	Bà Rịa - Vũng Tàu	Lạc Hồng	Kế toán		DON05326		60.00	40.00	56.00		DON00249
29	Nguyễn Duy	Trịnh	6	4	1984				Thái Bình	Lạc Hồng	Tài Chính - Kế toán	Con BB	DON05348	20	68.00	26.00	76.00		DON00196
30	Nguyễn Thị Ngọc	Tú				13	11	1979	Quảng Bình	TC KT Đồng Nai	Kế toán		DON05363		32.00	28.00	12.00		DON00127
31	Phạm Thị Bích	Vân				17	6	1981	Thái Bình	ĐH Trà Vinh	Luật		DON05382		24.00	34.00	56.00		DON00329
32	Trương Thị	Vân				8	3	1993	Thanh Hóa	CĐ Tài chính - Hải quan	Ngân hàng		DON05385		68.00	50.00	80.00		DON00044
33	Trần Thị Hoàng	Yến				25	10	1979	Thái Bình	Trung học Kinh tế Đồng Nai	Hạch toán - Kế toán		DON05414		68.00	34.00	72.00		DON00338
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nguyễn Thị Thu	Hằng				1	11	1996	Hà Nam	TC Văn Thư Lưu trữ Trung Ương	Hành chính Văn phòng		DON05469		72.00	42.00	64.00		DON00131
2	Nguyễn Thị Khánh	Hoà				8	3	1996	Hà Nam	TC Văn Thư Lưu trữ Trung Ương	Hành chính Văn phòng		DON05471		52.00	24.00	64.00		DON00133
3	Nguyễn Thị	Ngân				11	11	1992	Thanh Hoá	TC CN & QT Đồng Đô	Hành chính Văn Thư		DON05482		72.00	34.00	60.00		DON00129

ugh